

Số: 286/BCT-TTBVTV

Quảng Trị, ngày 15 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 21 tháng 2 năm 2024 đến ngày 15 tháng 3 năm 2024)

#### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

##### 1. Thời tiết

Thời tiết từ giữa đến cuối tháng 02/2024 phổ biến ngày nắng, đêm và sáng sớm có sương mù vài nơi, nhiệt độ TB 27°C, ẩm độ TB 85%; Trong tháng 3: từ ngày 03-05/3 trời nắng nóng, không mưa, những ngày còn lại do ảnh hưởng của không khí lạnh có mưa phùn, nhiệt độ giảm, nhiệt độ TB 22°C, ẩm độ TB 90%. Nhìn chung thời gian qua thời tiết thuận lợi cho các loại cây trồng sinh trưởng phát triển đồng thời cũng tạo điều kiện cho các loại sâu bệnh phát sinh gây hại nhiều nơi.

##### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

###### a) Cây lúa:

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Đông Xuân 2023-2024	Sớm	Ôm đồng	1.500	-
	Chính vụ	Đứng cái - làm đồng	22.900	-
	Muộn	Đứng cái - làm đồng	1.200	-
	Tổng		25.600	-

###### b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Cây con - phát triển thân lá	11.000
- Cây ngô	6 lá - xoáy nõn - trổ cờ, phun râu	3.500
- Cây lạc	Phân cành - Ra hoa đợt 1	3.000
- Cây công nghiệp:		
Hồ tiêu	Phát triển quả	2.153,6
Cao su	Ra lá mới	18.800,7
Cà phê	Phân hóa mầm hoa - ra hoa	3.942,8

### 3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Không

## II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU TỪ 21/02/2024-15/3/2024

**1. Trên cây lúa:** Các đối tượng sâu bệnh hại chủ yếu gồm: Bệnh đạo ôn lá DTN 642 ha (tăng 543 ha so với tháng trước, tăng 378 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 63 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 7-10%, nơi cao 20-30%; chuột DTN 1.046 ha (tăng 596 ha so với tháng trước, giảm 149 ha so với cùng kỳ năm trước), tỷ lệ hại phổ biến 5-10%, nơi cao 20-22%; sâu cuốn lá nhỏ DTN 52 ha (tháng trước sâu gây hại rải rác, tăng 47 ha so với cùng kỳ năm trước), mật độ phổ biến 5-10 con/m<sup>2</sup>, nơi cao 15 con/m<sup>2</sup>; ngoài ra, bệnh đốm nâu, đốm sọc vi khuẩn... hại nhẹ một số vùng ở Gio Linh, Triệu Phong.

**2. Trên cây ngô:** Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại nhẹ một số vùng, DTN 23 ha (tăng 8 ha so với kỳ trước, giảm 50 ha so với cùng kỳ năm trước), mật độ phổ biến 1-4 con/m<sup>2</sup>, nơi cao 5-6 con/m<sup>2</sup>.

**3. Trên cây hồ tiêu:** Tuyến trùng, bệnh thán thư, chết chậm diện tích nhiễm giảm nhẹ so với tháng trước, các đối tượng khác DTN như tháng trước, cụ thể: Tuyến trùng DTN 229 ha (giảm 10 ha so với tháng trước, giảm 37 ha so với cùng kỳ năm trước); Bệnh thán thư DTN 149 ha (giảm 5 ha so với tháng trước, giảm 16 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết chậm DTN 137 ha (giảm 7 ha so với kỳ trước, giảm 22 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết nhanh DTN 23 ha (tương đương cùng kỳ năm trước); bệnh đốm lá DTN 89 ha (giảm 16 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp sáp DTN 16 ha (giảm 26 ha so với cùng kỳ năm trước).

**5. Trên cây cà phê (Hương Hóa):** Bệnh rỉ sắt DTN 768 (tăng 15 ha so với tháng trước, giảm 22 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp DTN 70 ha (tăng 10 ha so với tháng trước, giảm 95 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh thán thư DTN 675 ha (tăng 30 ha so với tháng trước, tăng 105 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh khô cành DTN 795 ha (tăng 15 ha so với tháng trước, tăng 55 ha so với cùng kỳ năm trước).

**6. Trên cây cao su:** Bệnh xì mủ DTN 156 ha (tương đương tháng trước, giảm 9 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh loét sọc mặt cạo DTN 296 ha (giảm 12 ha so với tháng trước, tăng 41 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh phấn trắng DTN 360 ha (tháng trước bệnh phát sinh rải rác, tăng 355 ha so với cùng kỳ năm trước).

**7. Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus DTN 695 ha (tăng 400 ha so với tháng trước, tăng 624 ha so với cùng kỳ năm trước), tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 30-40%, cục bộ có nơi 70-80%.

## III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

### 1. Dự báo SVGH chủ yếu từ 16/3/2024-15/4/2024

**1.1. Trên cây lúa:** Chuột tiếp tục cắn phá gây hại lúa giai đoạn đòng - trổ; bệnh đạo ôn lá tiếp tục lây lan gây hại trên diện rộng, hại nặng và có thể gây cháy trên các giống nhiễm (*BDR 57, IR 38, Bắc thom 7, HC 95,...*), trên các chân ruộng gieo dày, bón thừa đạm; bệnh đạo ôn cổ bông, cổ lá đòng phát sinh gây hại nhiều nơi; sâu cuốn lá nhỏ tiếp tục gia tăng mật độ và diện tích nhiễm nhất là các chân ruộng xanh tốt, bón thừa đạm; bệnh đốm sọc vi khuẩn, đốm nâu tiếp tục lây lan gây hại; bệnh

bạc lá vi khuẩn có khả năng phát sinh gây hại nhiều vùng; nhện gié, rầy nâu và rầy lưng trắng, khô vằn, lem lép hạt... khả năng phát sinh gây hại giai đoạn đòng - trổ.

**1.2. Trên cây ngô:** Sâu keo mùa thu tiếp tục gây hại, chú ý những vùng ngô gieo trồng muộn.

**1.3. Trên cây hồ tiêu:** Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, tuyến trùng... tiếp tục gây hại nhiều nơi trong đó bệnh chết chậm có thể hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ổ dịch.

**1.4. Trên cây cà phê:** Các đối tượng dịch hại như: Rệp các loại, bệnh thán thư, khô cành, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, không chú trọng công tác phòng trừ sâu bệnh.

**1.5. Trên cây cao su:** Bệnh xì mủ, loét sọc mặt cạo tiếp tục gây hại trên các vườn; bệnh phấn trắng, héo đen đầu lá tiếp tục phát sinh, lây lan gây hại nhiều vùng.

**1.6. Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus tiếp tục lây lan trên diện rộng, hại nặng những vùng đã bị bệnh các năm trước.

## **2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong tháng tới**

### **2.1. Trên cây lúa**

- Những ruộng bị bệnh đạo ôn phải tăng cao mức nước và ngừng bón tất cả các loại phân, khẩn trương phun thuốc phòng trừ bệnh bằng các loại thuốc có hoạt chất *Fenoxanil + Isoprothiolane, Propiconazole + Tricyclazole, Fenoxanil + Tricyclazole, Tricyclazole, Isoprothiolane,...* như: Map Famy 35SC, Filia 525SE, Fuji-one 40EC, Beam 75WP, Ninja 35EC,... Lưu ý: Để phun thuốc có hiệu quả phải đảm bảo theo liều lượng khuyến cáo, phun ướt đẫm lá, lượng nước thuốc đã pha ít nhất 20 lít/500m<sup>2</sup>, vùng bị nặng phải phun tiếp lần hai sau lần một 5 - 7 ngày; sau khi phun thuốc, bệnh ngừng phát triển mới được bón phân thúc đòng hoặc bổ sung phân bón lá.

Tăng cường kiểm tra, theo dõi và phun thuốc phòng bệnh đạo ôn cổ bông trước và sau khi lúa trổ 5-7 ngày. Chú ý trên những chân ruộng có áp lực bệnh cao như: Những vùng đã bị nhiễm đạo ôn lá, vùng ổ dịch, ruộng bón thừa đạm, những vùng gieo giống nhiễm (*BDR 57, IR38, VN10, Bắc thom 7, HC95, ...*).

- Tăng cường diệt chuột bằng nhiều biện pháp như đào bắt, dùng bẫy bả kết hợp sử dụng các loại thuốc, ưu tiên sử dụng thuốc sinh học, các thuốc có hoạt chất thế hệ mới như *Diphacinone* (Gimlet, Linh miêu, Kaletox...). công tác diệt chuột cần được thực hiện thường xuyên, liên tục mới có hiệu quả. Lưu ý: Tuyệt đối không sử dụng xung điện để diệt chuột.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến, mật độ sâu cuốn lá nhỏ, rầy các loại, bệnh khô vằn, nhện gié... để có biện pháp phòng trừ kịp thời. Chú ý: Tiến hành phun thuốc trừ rầy ngay ở những nơi có mật độ từ 750-1.000 con/m<sup>2</sup> trở lên; phun thuốc trừ sâu cuốn lá nhỏ ở những vùng có mật độ cao khi sâu tuổi 1, 2 hay sau khi bướm ra rộ 5-7 ngày.

- Phun thuốc phòng trừ nhóm bệnh do vi khuẩn bằng các loại thuốc có hoạt chất *Bronopol, ningnanmycin, oxolinic acid + streptomycin...* như: Totan 200WP, Map Lotus 125WP, Bonny 4SL, Xantocin 40WP,... nên phun phòng sau những trận mưa.

**2.2. Trên cây ngô:** Những nơi sâu đang gây hại có thể sử dụng các loại thuốc hóa học có hoạt chất *Bacillus Thuringiensis*, *Spinetoram*, *Indoxacarb*, *Lufenuron*, *Emamectin benzoate*... như: Bitadin WP, Map - Biti WP 50000 IU/mg, Radiant 60SC, Map wing 45WP, Amater 150SC, Indocar 150SC, Angun 5WG, Proclaim 1.9EC,... để phun trừ khi sâu đa số tuổi 1-2, phun vào sáng sớm hoặc chiều mát, phun 2 lần cách nhau 10-12 ngày, phun ướt đều 2 mặt lá, nách lá và nõn lá.

**2.3. Trên cây hồ tiêu:** Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, rệp sáp, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột, tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học để phòng bệnh.

**2.4. Trên cây cà phê:** Xử lý thuốc để phòng trừ sâu bệnh kết hợp bón phân chăm sóc, tăng cường phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh để tăng tỷ lệ ra hoa - đậu quả.

**2.5. Trên cây cao su:** Kiểm tra vườn thường xuyên, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên miệng cạo và vết xì mũ bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan nhiều nơi. Tổ chức phòng trừ bệnh phấn trắng, héo đen đầu lá ngay khi cây ra lá mới (60% lá trong vườn nhú chôn chim) nhất là trên các vườn đã bị khô cành rụng lá trong thời gian qua để tăng khả năng phục hồi của cây.

**2.6. Trên cây sắn:** Điều tra, khoanh vùng bị nhiễm bệnh khảm lá virus, tập trung diệt trừ bọ phấn môi giới, xử lý cây bị bệnh không để lây lan ra diện rộng. Tăng cường bón phân và phun phân bón lá để tạo điều kiện cho cây phát triển. Đối với những vùng chưa tiến hành trồng mới: Tuyệt đối không sử dụng hom sắn từ các vùng đã bị bệnh khảm lá để làm giống. Điều tra theo dõi các đối tượng sâu, bệnh khác như rệp sáp bột hồng, bệnh chổi rồng để có biện pháp xử lý hiệu quả./.

**Nơi nhận:**

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Q Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Trần Minh Tuấn**

**TỔNG HỢP ĐIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG THÁNG**

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiệm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây lúa (Đứng cái - ôm đòng)													
1	Chuột	5-10	20-22			1.046	739	268	39	0	+596	-149	10.000	H. Lãng, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh. Đ. Hà
2	Đạo ôn lá	7-10	20-30	40	1-5	642	396	183	63	0	+543	+378	1.490	H.Lãng, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đ. Hà, H. Hóa
3	Sâu cuốn lá nhỏ	5-10	15		1-2	52	47	5	0	0	+52	+47	8	H. Lãng, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Đốm sọc vi khuẩn	5-10	15-20		1	27	27	0	0	0	+27	-37	0	G. Linh, Tr. Phong
5	Đốm nâu	10-15	20-25		3-5	185	160	25	0	0	+185	+180	300	G. Linh
II	Cây ngô (Cây con - trở cò, phun râu)													
1	Sâu keo mùa thu	1-4	5-6		1-5	23	17	6	0	0	+8	-50	12	C. Lộ, Đakrông
III	Cây Hồ tiêu (PT quả)													
1	Chết chậm	5-10	15-20		1-3	137	120	17	0	0	-7	-22	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
2	Chết nhanh	5-10			1	23	21	2	0	0	0	0	0	V.Linh, G.Linh
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1	229	200	27	2	0	-10	-37	30	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	149	129	20	0	0	-5	-16	12	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
5	Đốm lá	5-10	15-20		3	89	73	16	0	0	0	-16	0	C. Lộ, G. Linh, H. Hóa
6	Rệp sáp	5-10	15		1-2	16	10	6	0	0	+1	-26	10	Hướng Hóa
IV	Cây cà phê (Phân hóa mầm hoa - ra hoa)													
1	Khô cành	10-15	60		1-2	795	505	200	90	0	+15	+55	0	Hướng Hóa

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
2	Thán thư	15-20	50		1-3	675	390	195	90	0	+30	+105	50	
3	Rệp	5-10	25		1-2	70	65	5	0	0	+10	-95	0	
4	Rỉ sắt	10-30	70		1-3	768	445	225	98	0	+15	-22	50	
V	Cây cao su (Ra lá mới)													
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-2	296	169	105	22	0	-12	+41	20	C. Lộ, G.Linh, V. Linh
2	Xì mù	5-10	15		1-2	156	136	20	0	0	-3	-9	15	Tr. Phong, C. Lộ, G.Linh, V. Linh
3	Phấn trắng	10-15	20-30			360	307	53	0	0	+360	+355	0	C. Lộ, G. Linh, V. Linh
VI	Cây sắn (Cây con - phát triển thân lá)													
1	Khảm lá virus	5-10	30-40	70- 80		695	268	285	142	0	+400	+624	0	H. Lãng, TX. Quảng Trị, Tr. Phong, C. lộ, G. Linh, V. Linh, Đakrông